TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 08/3/2019.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn.
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2018/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962. Địa chỉ: 131/2 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: ông Trịnh Minh E, sinh năm 1975. Địa chỉ: 131/2 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:

Vào năm 1994 bà và ông Trịnh Minh E tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung bà và ông Minh E không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân bà xin ly hôn với ông Minh E là do trong thời gian chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cự cãi nhau. Ông Minh E có quan hệ tình cảm với người khác nên không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Nhận thấy tình cảm giữa bà và ông Minh E không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh E. Bà không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2018 ông Trịnh Minh E trình bày:

Ông thừa nhận vào năm 1995 ông và bà B tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung ông, bà không có con chung và nợ chung. Về tài sản chung ông, bà có tạo lập được một phần đất có diện tích khoảng 8.200m^2 hiện do ông, bà cùng quản lý. Trong thời gian chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cự cãi nhau; ông có quan hệ tình cảm với người khác tuy nhiên hiện nay ông vẫn còn thương bà B nên ông không muốn ly hôn. Qua yêu cầu của bà B thì ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B.

Về con chung và nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Ngày 07/3/2019 bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Trịnh Minh E đã được Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Minh E vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Trịnh Minh E về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Ông Trịnh Minh E có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 131/2 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trịnh Minh E đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B, ông Minh E.

[4] Về hôn nhân: Vào năm 1995 bà Nguyễn Thị B và ông Trịnh Minh E tự nguyện sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, xét thấy: bà B và ông Minh E có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà B và ông Minh E không có đăng ký kết theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận ông, bà là vợ chồng. Trong quá trình tố tụng bà B yêu cầu tòa án giải quyết để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông Minh E, ông Minh E không đồng ý nhưng ông Minh E cũng không đưa ra biện pháp gì để khắc phục hàn gắn tình cảm gia đình với bà B. Lẽ đó việc bà B có yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Minh E là vợ chồng là phù hợp khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 144, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng aùn phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Trịnh Minh E là vợ chồng.

Về con chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018700 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã An Điền;P
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân Thaåm phaùn –
Chuû toaï phieân toaø